

Số: 896 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới
đến suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2918/TTr-STNMT ngày 08/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Minh Long (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Long Mai và xã Long Hiệp, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu, đề xuất UBND tỉnh đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên

và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Minh Long; Chủ tịch UBND các xã: Long Mai; Long Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak653.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến
suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long
(Kèm theo Quyết định số 896 /QĐ-UBND
ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long.
- Chủ dự án: UBND huyện Minh Long (địa chỉ: Thôn 3, xã Long Hiệp, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi).
- Cơ quan quản lý thực hiện dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Minh Long.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Long Mai và xã Long Hiệp, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Đầu tư xây dựng đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long tại xã Long Mai và xã Long Hiệp, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.
- Ranh giới:
 - + Điểm đầu tuyến giao đường ĐT 624 tại Km25+350, giao ngã 3 nút giao đi UBND xã Long Mai, tại nút giao N01 có tọa độ X=1652975.000, Y=576281.450.
 - + Điểm cuối tuyến giao đường số 7 trước cổng UBND huyện Minh Long tại nút giao N37 có tọa độ X=1651607.866, Y= 575441.363.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài 1.869,06 m và hai tuyến kè tại vị trí sông Phước Giang và Suối Tía với tổng chiều dài 317,44 m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án gồm:

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
I	Nền, mặt đường		
1	Chiều dài đoạn tuyến	m	1.869,06
2	Cấp, loại đường		Đường phố gom
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	50
4	Trục xe tính toán tiêu chuẩn	KN	100

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
*	Đoạn từ Km0+00 (nút N01) – Km0+243,79 (nút N03)		
5	Bề rộng nền đường	m	25,0
6	Bề rộng mặt đường	m	7,5x2
7	Bề rộng hè đường	m	4,0x2
8	Bề rộng dải phân cách	m	2,0
*	Đoạn từ Km0+243,79 (nút N03) – Km0+902,61 (nút N04)		
9	Bề rộng nền đường	m	19,0
10	Bề rộng mặt đường	m	7,5x2
11	Bề rộng hè đường	m	1,0x2
12	Bề rộng dải phân cách	m	2,0
*	Đoạn từ Km0+902,61 (nút N04) - Km1+157,02 (nút N12)		
13	Bề rộng nền đường	m	25,0
14	Bề rộng mặt đường	m	7,5x2
15	Bề rộng hè đường	m	4,0x2
16	Bề rộng dải phân cách	m	2,0
*	Đoạn từ Km1+157,02 (nút N12) - Km1+662,41 (nút N35)		
17	Bề rộng nền đường	m	28,0
18	Bề rộng mặt đường	m	7,5x2
+	Mặt đường bên phải tuyến làm mới	m	7,5
+	Mặt đường bên trái tuyến (tận dụng mặt đường hiện hữu và thiết kế bù vênh mặt đường).	m	7,5 (phạm vi thiết kế bù vênh Btb=3.5m)
19	Bề rộng hè đường	m	5,5x2
+	Vĩa hè bên phải tuyến làm mới	m	5,5
+	Vĩa hè bên trái tuyến (vĩa hè hiện hữu tận dụng).	m	5,5
20	Bề rộng dải phân cách	m	2,0
*	Đoạn từ Km1+662,41 (nút N35) – Km1+ 869,06 (nút N37)		
21	Bề rộng nền đường	m	27,0
22	Bề rộng mặt đường	m	15,0
23	Bề rộng hè đường	m	6,0x2
24	Kết cấu mặt đường		BTN Cấp cao A1 (Eyc = 120Mpa)
25	Kết cấu hè đường		

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
+	- Đoạn từ Km0+00 (nút N01) - Km0+243,79 (nút N03). - Đoạn từ Km0+902,61 (nút N04) - Km1+ 869,06 (nút N37). (Trong đó: đoạn từ Km1+157,02 (nút N12)-Km1+662,41 (nút N35) vỉa hè bên trái tuyến hiện hữu gạch Terrazzo tận dụng		Lát gạch Terrazzo KT: (40x40x3)cm
+	Đoạn từ Km0+243,79 (nút N03) - Km0+902,61 (nút N04)		Vỉa hè đất
26	Kết cấu bó vỉa		
+	Đoạn từ Km0+00 (nút N01) - Km1+ 869,06 (nút N37). (Trong đó: đoạn từ Km1+157,02 (nút N12) - Km1+662,41 (nút N35) bên trái tuyến bó vỉa hiện hữu bê tông tận dụng		Bó vỉa bê tông M300 đá 1x2
27	Độ dốc ngang mặt đường	%	2
28	Độ dốc ngang hè đường		
+	Đoạn từ Km0+00 (nút N01) - Km0+243,79 (nút N03) và Km0+902,61 (nút N04) - Km1+ 869,06 (nút N37)	%	1.5% (hướng vào mặt đường)
+	Đoạn từ Km0+243,79 (nút N03) - Km0+902,61 (nút N04)	%	4% (hướng ra taluy)
II	Công trình thoát nước		
II.1	Thoát nước ngang		
1.1	Tải trọng thiết kế		
-	Tải trọng thiết kế cống, cầu nhỏ	Đoàn xe	H30-XB80
-	Tải trọng thiết kế cầu trung, lớn	Đoàn xe	HL93
-	Tải trọng người đi bộ	MPa	0,003
1.2	Tần suất thiết kế		
-	Tần suất thiết kế cống, cầu nhỏ	%	4
-	Tần suất thiết kế cầu trung, lớn	%	1
1.3	Khổ cống, khổ cầu	m	Bằng khổ nền đường
II.2	Thoát nước dọc		Theo quy hoạch
2.1	Tải trọng thiết kế		
-	Cống dọc cắt qua đường	Đoàn xe	H30-XB80
-	Cống dọc trên vỉa hè	Đoàn xe	H10-X60
2.2	Tần suất thiết kế	%	4

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
III	Cây xanh bóng mát		Theo quy hoạch
IV	Cấp nước	m	HDPE D50/63 Chiều dài l = 1.583m
V	Điện chiếu sáng	m	2.257
VI	Kè	m	317,43
-	Cấp công trình		IV
-	Tần suất lũ thiết kế		10%
-	Tần suất dẫn dòng thi công		10%
-	Hệ số ổn định		1,25
a	Đoạn từ K0÷K0+110, K0+227,44 ÷ KC		Kè mái nghiêng
-	Cao trình đỉnh kè	m	57,70
-	Cao trình đỉnh chân kè	m	53,70
-	Chiều cao kè	m	4,0
-	Hệ số mái kè		2
-	Kết cấu thân kè	Tấm lát liên kết ngàm âm dương KT (50x50x15cm) trong khung dầm BTCT	
-	Kết cấu chân kè	Đá hộc thả rời kết hợp rọ đá lưới thép	
b	Đoạn từ K0+110 ÷ K0+227,44		Kè tường đứng
-	Kết cấu thân kè	Tường bê tông cốt thép M300	
-	Cao trình đỉnh kè	m	57,70
-	Chiều cao kè	m	6,00
-	Kết cấu chân kè	Bê tông M300 trên nền đá gốc	
c	Công trình trên kè		
-	Bậc cấp	Vị trí	2,0
VII	Di dời hệ thống điện		
-	Di dời và cải tạo tuyến đường dây trung thế 22kV đi trên không với tổng chiều dài tuyến đường dây sau di dời, cải tạo là 642,6m.		
-	Di dời và cải tạo Trạm biến áp với dung lượng 560kVA		
-	Di dời và cải tạo tuyến đường dây hạ thế 0,4kV đi trên không với tổng chiều dài tuyến đường dây sau di dời, cải tạo là 320,4m.		

1.3.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

Dự án không xây dựng các công trình xử lý chất thải.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án ảnh hưởng đến đất trồng lúa nước với diện tích đất lúa bị chiếm dụng để thực hiện dự án là 15.939,5 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong khu vực dự án có 15.939,5 m² diện tích đất lúa bị chiếm dụng để thực hiện dự án và 04 hộ dân bị di dời, tái định cư.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; đào đắp đất, thi công các hạng mục công trình; hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường; hoạt động xây lắp trong xây dựng; hoạt động của công nhân tham gia thi công phát sinh ra tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, đất đào, đất bóc hữu cơ, chất thải nguy hại, nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ,...

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

* Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

+ Lưu lượng phát sinh: khoảng 2 m³/ngày.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P) và coliform.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực dự án là 1.119,12 m³/h.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác).

- Nước thải xây dựng:

+ Lưu lượng: khoảng 1m³/ngày.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác) và dầu mỡ.

* Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt: Dự án không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực dự án là 1.119,12 m³/h.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác).

3.1.2. Bụi và khí thải

* Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nguồn phát sinh: Từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị máy móc; san lấp mặt bằng; xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động của các máy móc thiết bị thi công.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂), tiếng ồn và độ rung.

* Giai đoạn hoạt động:

+ Nguồn phát sinh: từ hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến đường.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂), tiếng ồn.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

+ Lượng phát sinh: 6 - 10 kg/ngày.

+ Thành phần: Bao ni lông, hộp cơm, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Nguồn phát sinh: đất bóc hữu cơ, xà bần phát sinh từ quá trình phá dỡ nhà cửa, công trình hiện hữu, các loại nguyên vật liệu phục vụ thi công.

+ Thành phần: đất bóc hữu cơ, xà bần, đất đá, gạch ngói, vật liệu xây dựng dư thừa, sắt thép vụn, các loại vỏ bao xi măng, sắt thép thừa, mảnh gỗ vụn, gạch vỡ.

+ Lượng phát sinh: Tổng khối lượng đất bóc hữu cơ phát sinh khoảng 10.109,39 m³; trong đó: khối lượng đất bóc hữu cơ tầng đất mặt đối với diện tích đất trồng lúa là 3.984,9 m³ (diện tích tầng đất mặt của ruộng lúa trong khu vực dự án chiếm dụng là 15.939,5 m², chiều cao bóc tách khoảng 0,25m); khối lượng đất bóc hữu cơ trên diện tích đất khác (không phải đất trồng lúa nước) là 6.124,49 m³. Toàn bộ lượng xà bần, đất đá phát sinh từ quá trình tháo dỡ nhà cửa và công trình hiện hữu khoảng 377,21 m³.

- Chất thải rắn nguy hại:

+ Nguồn phát sinh: Từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa của các máy móc thiết bị thi công.

- + Thành phần: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, các vỏ hộp dầu mỡ,...
- + Lượng phát sinh: Khoảng 3-5 kg/tháng.
- * Giai đoạn hoạt động:
 - Chất thải rắn sinh hoạt:
 - + Nguồn phát sinh: Do người dân xung quanh và người tham gia giao thông vứt ra đường.
 - + Lượng phát sinh: Lượng chất thải phát sinh không lớn, rải rác dọc tuyến đường.
 - + Thành phần: Bao ni lông, hộp cơm, thức ăn thừa,...
 - Chất thải rắn thông thường:
 - + Nguồn phát sinh: Do các xe chở vật liệu làm rơi vãi trên đường.
 - + Lượng phát sinh: Lượng chất thải phát sinh không lớn, rải rác dọc tuyến đường.
 - + Thành phần: Đất, đá,...
 - Bùn, cặn từ hệ thống thu gom nước mưa:
 - + Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ quá trình nạo vét các hố ga, cống của hệ thống thu gom nước mưa.
 - + Lượng phát sinh: Lượng chất thải phát sinh không thường xuyên.
 - Chất thải nguy hại:
 - + Nguồn phát sinh: Dự án không có phát sinh chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- * Giai đoạn thi công xây dựng:

Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công máy đào, thiết bị san ủi,...và hoạt động của xe vận chuyển.

- * Giai đoạn hoạt động:

Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường.

3.4. Các tác động khác

- * Giai đoạn xây dựng:

- Sự cố do cháy nổ.
- Sự cố do tai nạn giao thông.
- Sự cố do tai nạn lao động.

- * Giai đoạn vận hành:

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông.
- Tác động do sự cố cháy nổ.
- Tác động do sự cố thiên tai.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

* Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt nhà vệ sinh di động hoặc xây nhà vệ sinh tạm và sử dụng bể tự hoại tại lán trại. Khi công trình hoàn thành sẽ tháo dỡ và san lấp trả lại mặt bằng hiện trạng dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Khơi thông các dòng chảy tự nhiên, để thuận lợi việc thoát nước.

- Nước thải xây dựng: Tạo các rãnh thoát nước và lắng cặn trước khi ra ngoài môi trường; che chắn nguyên vật liệu, thu dọn hằng ngày.

* Trong giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt: Dự án không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thoát nước dọc và thoát nước ngang tuyến đường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh, xe chạy đúng tốc độ, đúng lộ trình.

- Đảm bảo an toàn giao thông, chạy đúng tốc độ quy định khi đi trong khu dân cư.

- Thường xuyên phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển (đặc biệt là vào các ngày khô hanh).

- Tổ chức thu gom, quét dọn đất đá rơi vãi khi vận chuyển nguyên vật liệu thi công.

* Giai đoạn hoạt động:

- Bố trí diện tích cây xanh phù hợp trên tuyến đường để điều hòa vi khí hậu và giảm thiểu bụi, khí thải.

- Bảo đảm khoảng cách phù hợp giữa công trình giao thông và các công trình hạ tầng, kiến trúc ven đường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng thu gom rác thải; yêu cầu công nhân xây dựng không vứt rác bừa bãi; ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: sắt thép vụn được tận dụng lại và bán phế liệu; xà bần cũng được thu gom, vận chuyển đến bãi thải tại khu dân cư thôn 2, xã Long Hiệp để tận dụng san nền; đất bóc hữu cơ một phần khoảng 939 m^3 được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án; lượng đất bóc tầng đất mặt của diện tích đất lúa khoảng $3.984,9 \text{ m}^3$ được sử dụng để cải tạo tầng độ dày, chất lượng đất canh tác, hạn chế ngập úng tại Đồng Vông, thôn 2, xã Long Hiệp; phần còn lại khoảng $5.185,49 \text{ m}^3$ sẽ được vận chuyển đến bãi thải tại khu dân cư thôn 2, xã Long Hiệp để tận dụng san nền khu vực trũng thấp.

- Chất thải nguy hại: Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ tạm thời, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

* Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường: Các loại chất thải phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng tuyến đường sẽ được thu gom triệt để, thi công đến đâu dọn đến đó.

- Bùn cặn từ quá trình nạo vét cống thoát nước mưa: Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải nguy hại: Không phát sinh trong quá trình hoạt động.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết;

- Lựa chọn máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp khi thi công gần khu dân cư;

- Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian thi công...

- Trước khi tiến hành thi công sẽ thu thập, chụp hình hiện trạng các ngôi nhà gần khu vực để làm cơ sở làm bằng chứng khi có khiếu kiện về việc thi công ảnh hưởng đến nút nhà của người dân.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

* Giai đoạn hoạt động:

- Có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện lưu thông trên tuyến.

- Đảm bảo mật độ cây xanh trên tuyến đường sẽ vừa giúp tạo cảnh quan, điều hòa không khí trên tuyến đường, vừa góp phần hạn chế tiếng ồn.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Phòng chống cháy nổ, an toàn lao động: Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cần thiết theo quy định; xây dựng và ban hành các nội quy về làm việc trên công trường; trang bị các phương tiện chữa cháy; tuyên truyền, tập huấn phòng chống cháy nổ, ...

- An toàn giao thông: Bố trí người hướng dẫn, phân luồng cho các xe vận chuyển khi quay đầu hoặc lùi xe; phương tiện được đăng kiểm, chạy đúng tốc độ, bảo dưỡng phương tiện máy móc thường xuyên.

* Giai đoạn vận hành:

- An toàn giao thông: Lắp đặt các biển báo giao thông, đèn tín hiệu, vạch kẻ trên tuyến đường và giao với các tuyến đường ngang.

- Phòng chống sự cố cháy nổ: Lắp đặt hệ thống kim thu sét cho các trạm biến áp. Các cột đèn trên hệ thống chiếu sáng sẽ được lắp đặt hệ thống nối đất.

- Phòng chống sự cố thiên tai: Phòng ngừa sự cố ngập úng, lũ lụt trong quá trình vận hành tuyến đường phải được tính toán trong quá trình thiết kế tuyến đường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

TT	Thành phần môi trường	Thông số	Vị trí giám sát	Quy chuẩn so sánh	Tần suất giám sát
I Giai đoạn thi công xây dựng					
1	Khí xung quanh	- Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO - Tiếng ồn - Độ rung	01 vị trí tại khu vực thi công dự án	- QCVN 05:2013/ BTNMT - QCVN 26:2010/ BTNMT - QCVN 27:2010/ BTNMT	03 tháng/lần
2	Nước mặt	pH, TSS, BOD ₅ , COD, DO, NO ₃ ⁻ N, PO ₄ ³⁻ P, Coliform	- 01 vị trí tại cầu suối Tía (Tọa độ: X = 1652357.420, Y = 575763.938) - 01 vị trí tại sông Phước Giang (Tọa độ: X = 1652808.942, Y = 576139.019)	QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT	03 tháng/lần
II	Giai đoạn hoạt động: Giám sát sạt lở, ngập úng và bồi lắng trong mùa mưa dọc tuyến đường 01 lần vào mùa mưa lũ hoặc khi có sự cố.				

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ, thiên tai trong giai đoạn vận hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý không đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường cũng như hoạt động của các dự án, khu dân cư xung quanh thì Chủ dự án phải dừng các hoạt động của dự án, thực hiện các biện pháp khắc phục, báo cáo cho các cơ quan liên quan để có phương án xử lý kịp thời.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, Nhân dân nếu để xảy ra tình trạng ngập úng; ô nhiễm môi trường; hư hỏng đường sá, cầu cống; tai nạn giao thông trong quá trình thi công và vận hành dự án./.